

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19- 8- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Bảo và bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ An, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 8, xã Bảo Th, huyện Yên Th, tỉnh N - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Nh Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Hà T, xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr - Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Hồ Thị N trình bày: Bà Hồ Thị N và ông Hà Nh Tr tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr vào ngày 24 tháng 10 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc Nhng từ khi sinh con đầu lòng vào năm 2006, bà N mắc bệnh biểu cường giáp nên từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông Tr có tính gia trưởng, nhiều lần đánh đập, chửi mắng bà N thậm tệ, bà N đã nhờ hai bên gia đình nội, ngoại can thiệp Nhng không có kết quả. Năm 2017, bà N đưa các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại

xóm 8, xã Bảo Th, huyện Yên Th, tỉnh N để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài mà không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có, hai bên không thật sự thương yêu tôn trọng lẫn nhau. Với những lý do trên bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Hà Nh Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là các cháu: Hà Nh T, sinh ngày 02/10/2006; Hà Nh K, sinh ngày 06/11/2008; Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 13/5/2015. Nếu ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu K, Nh; giao cháu T cho ông Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 28/02/2020, bà N có đơn khởi kiện bổ sung về vấn đề con chung của vợ chồng: Ngoài 03 con chung là các cháu T, K, Nh thì vợ chồng có thêm con chung là cháu Hồ Khánh V, sinh ngày 26/10/2019. Nếu ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu K, Nh và V; giao cháu T cho ông Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2020 và tại phiên hòa giải ngày 03/3/2020, bị đơn ông Hà Nh Tr trình bày: Ông Tr đồng ý với ý kiến của Bà Hồ Thị N đã trình bày về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì ông Tr thừa nhận do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên to tiếng cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông Tr mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng nếu bà N vẫn cương quyết ly hôn thì ông Tr đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung là các cháu: Hà Nh T, sinh ngày 02/10/2006; Hà Nh K, sinh ngày 06/11/2008, Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 13/5/2015 và cháu Hồ Khánh V, sinh ngày 26/10/2019. Nếu ly hôn ông Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu T và Nh; giao cháu K và cháu V cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2020, cháu Hà Nh T trình bày: Cháu hiện đang học lớp 8C tại Trường trung học cơ sở Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị cháu có nguyện vọng được sống cùng ông Tr.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/6/2020, cháu Hà Nh K trình bày: Cháu hiện đang học lớp 6C tại Trường trung học cơ sở Bảo Th thuộc xã Bảo Th, huyện Yên Th, tỉnh N, cháu có nguyện vọng được sống cùng bà N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án Nh sau:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng Nh tại phiên tòa, Tòa án đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Riêng đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho Bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Hà Nh Tr; áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Nh T, sinh ngày 02/10/2006 cho ông Trtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hà Nh K, sinh ngày 06/11/2008, cháu Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 13/5/2015 và Hồ Khánh V, sinh ngày 26/10/2019 cho bà Ntrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà Nkhông yêu cầu ông Trcấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Nphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mở vào ngày 31/7/2020, do không tổng đạt được quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 31/7/2020, Tòa án tiến hành mở phiên tòa Nhng bị đơn Hà Nh Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 19/8/2020 xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Bà Hồ Thị N và ông Hà Nh Tr là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi cưới, vợ chồng bà Nvà ông Trsống hạnh phúc, năm 2006, bà Nbị mắc bệnh biểu cường giáp nên từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên to tiếng, cãi vả lẫn nhau, thậm chí ông Trcòn đánh đập bà N.Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trthừa nhận vợ chồng do không hợp tính tính nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 2017, bà Nbỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở xóm 8, xã Bảo Th, huyện Yên Th, tỉnh N ở từ đó cho đến nay, thỉnh thoảng vợ chồng có gặp nhau Nhng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Ông Trmong muốn được

đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái, Nhưng nếu bà Nưong quyết ly hôn thì ông Trđồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu An về tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông Trvà lời trình bày của bà Ntại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà N, xử cho bà Nđược ly hôn với ông Trlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bà Ntrình bày vợ chồng có 03 con chung là các cháu Hà Nh T, sinh ngày 02/10/2006; Hà Nh K, sinh ngày 06/11/2008; Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 13/5/2015. Bà Ncó nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K và cháu Nh; giao cháu T cho ông Trtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 28/02/2020, bà Ncó đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên hòa giải ngày 03/3/2020, bà Nvà ông Trđều trình bày: Ngoài 03 cháu nói trên thì vợ chồng có thêm cháu Hồ Khánh V, sinh ngày 26/10/2019. Sở dĩ, cháu V mang họ Hồ là vì: Vào thời điểm sinh cháu V, vợ chồng sống ly thân, bà Ntức giận ông Trnên khi làm giấy khai sinh cho cháu V, bà Nđã lấy họ mẹ và không khai họ tên bố đẻ. Xét thấy, cháu V sinh ra trong thời kỳ hôn nhân và tại phiên hòa giải, ông Trvà bà Nđều thừa nhận cháu V là con chung của vợ chồng. Do đó, bà Nvà ông Trkhai vợ chồng có 04 người con chung là có cơ sở.

Hiện tại các cháu K, Nh và V đang do bà Ntrực tiếp nuôi dưỡng; cháu T đang do ông Trnuôi dưỡng; các cháu đều đang đi học và có cuộc sống ổn định. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nkhông đồng ý giao cháu Nh cho ông Trtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng với lý do: Ông Trlàm nghề thợ nề, phải đi sớm về muộn, hơn nữa cháu Nh là con gái, hiện cháu đang có cuộc sống ổn định. Ông Trhiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, nếu giao thêm cháu Nh cho ông Trtrực tiếp nuôi dưỡng thì một mặt, ông Trsẽ không đảm bảo đủ thời gian để chăm sóc chu đáo cho cả hai cháu, ảnh hưởng đến quá trình phát triển của các cháu. Một mặt, cháu Nh còn quá nhỏ, cháu vừa hoàn thành chương trình mẫu giáo để vào lớp 1, cháu đã quen môi trường sống cũng Nh nếp sinh hoạt nơi bà Nsinh sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng tới tâm sinh lý của cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T có nguyện vọng được ở với bố, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu An thì ông Trhiện đang sống chung với bố mẹ đẻ của mình tại xã Triệu An; nghề nghiệp làm nghề thợ nề, mức thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Trong khi đó, các cháu K, Nh và V được bà Ntrực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 2017 cho đến nay, hiện các cháu đã có cuộc sống ổn định. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, Hội

đồng xét xử xét thấy cần giao cả 03 cháu K, Nh và V cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu T cho ông Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử thấy: Lẽ ra, ông Tr phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nhng do ông Tr có mức thu nhập thấp, không ổn định, mặt khác bà N không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Tr, bà N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông Tr đều thống nhất tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 khoản 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- **Về quan hệ Hôn nhân:** Xử cho Bà Hồ Thị N được ly hôn ông Hà Như Tr.

- **Về con chung:** Giao 03 cháu Hà Nh K, sinh ngày 06/11/2008; Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 13/5/2015 và Hồ Khánh V, sinh ngày 26/10/2019 cho Bà Hồ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Hà Nh T, sinh ngày 02/10/2006 cho ông Hà Nh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hà Nh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N và ông Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử buộc Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, Nhng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004553 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (*Bà Hồ Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm*).

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

